

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 01 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Vĩnh Thịnh
Bà Dương Thị Hồng Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mộng L, sinh năm: 1990
Địa chỉ: Số XX/Y ấp AĐ, xã AT, huyện TP, tỉnh BT.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1988
Địa chỉ: XYZ, Australia (Úc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 9 năm 2017, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Trần Thị Mộng L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn Đ quen biết nhau do giới thiệu từ người chị thân, sau đó hai bên có tìm hiểu nhau khoảng vài tháng thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Bà và Ông Đ có tổ chức đám cưới vào cuối tháng 8/2011. Vào ngày 09 tháng 09 năm 2011 thì cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh

Bà được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng nửa tháng thì chồng bà có làm thủ tục, hồ sơ cho bảo lãnh bà sang Úc sinh sống nhưng bà phỏng vấn không đậu. Từ đó Ông Đ trở về Úc sinh sống cho đến nay. Kể từ khi Ông Đ trở về Úc thì không về Việt Nam thăm bà lần nào, cho đến nay hai bên cũng không gặp mặt nhau. Khi Ông Đ trở về Úc thì khoảng thời gian đầu có liên lạc với bà qua điện thoại. Đến khoảng năm 2013 thì Ông Đ không liên lạc với bà. Bà có tìm cách liên lạc với Ông Đ nhưng không liên lạc được. Bà chờ đợi quá lâu mà không có tin tức gì từ Ông Đ. Nay bà thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân Ông Đ được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Đ, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Nguyễn Tấn Đ đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Tấn Đ không có mặt tại địa chỉ được yêu cầu. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định nhưng ông Nguyễn Tấn Đ vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn Đ theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị Mộng L và ông Nguyễn Tấn Đ là ly hôn, nguyên đơn bà Trần Thị Mộng L đang ở Việt Nam, bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ hiện đang ở nước ngoài (nước Úc) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng L và ông Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 9 năm 2011 nên hôn nhân giữa bà Trần Thị Mộng L và ông Nguyễn Tấn Đ là hôn nhân hợp

pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng bà L và Ông Đ chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 01 tháng thì Ông Đ trở về Úc. Ông Đ có làm thủ tục và hồ sơ để bảo lãnh bà L sang Úc; tuy nhiên do bà L phỏng vấn không đậu nên vợ chồng không thể đoàn tụ. Sau đó, vợ chồng ông bà vẫn giữ liên lạc thường xuyên qua điện thoại. Đến khoảng đầu năm 2013 thì bà L và Ông Đ không liên lạc với nhau, bà L chờ đợi cho đến nay cũng không nhận được bất kỳ tin tức gì của Ông Đ. Đến nay thì hai vợ chồng bà L và Ông Đ không còn sống chung, không còn liên lạc cũng như quan tâm đến nhau. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Tấn Đ nhưng không cơ quan có thẩm quyền của nước Úc không thực hiện tổng đạt được do Ông Đ không có mặt tại địa chỉ mà bà L cung cấp cho Tòa án, bà L cũng không cung cấp được địa chỉ nào khác nên Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về ý kiến của Ông Đ đối với vụ án này, ngày mở phiên tòa Ông Đ vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà L và Ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không được nên việc bà L yêu cầu ly hôn với Ông Đ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông Nguyễn Tấn Đ nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Trần Thị Mộng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trần Thị Mộng L.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn Đ.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Trần Thị Mộng L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày của ông Nguyễn Tấn Đ nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mộng L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002715 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Trần Thị Mộng L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Tấn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thế Xương

